Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8540.40.90

Mã HS	8540.40.90
Mô tả hàng hóa	Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình) / - Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, đơn sắc; ống hiển thị/đồ họa, loại màu, với điểm lân quang có bước nhỏ hơn 0,4 mm: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 03:24:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85404090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15963
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15963
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15963
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15306
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15235
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15235
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15235
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15235
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15235
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15235
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15291
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15291
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15291
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15291
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15291
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15292
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15292
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15292
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15292
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15292
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15292
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15293
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15241
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15249
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15249
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15249
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15249
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15249
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15249
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15289
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15289
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15289
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15289
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15289
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15289
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15351
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15351
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15351
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15351
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15351
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15325
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15325
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15325
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15325
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15325
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15325
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15328
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15328
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15328
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15328
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15328
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15328
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15334
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15334
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15334
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15334
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15334
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15334
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15333
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15333
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15333
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15333
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15333
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15333

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15322
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15322
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15322
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15322
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15322
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15322
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15322
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15316
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15316
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15316
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15316
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15316
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15316
RCEP B	2022	2022	0	B!D15316
RCEP B	2023	2023	0	B!E15316
RCEP B	2024	2024	0	B!F15316
RCEP B	2025	2025	0	B!G15316
RCEP B	2026	2026	0	B!H15316
RCEP B	2027	2027	0	B!I15316
RCEP C	2022	2022	0	C!D15316
RCEP C	2023	2023	0	C!E15316
RCEP C	2024	2024	0	C!F15316
RCEP C	2025	2025	0	C!G15316
RCEP C	2026	2026	0	C!H15316
RCEP C	2027	2027	0	C!I15316
RCEP D	2022	2022	0	D!D15315

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15315
RCEP D	2024	2024	0	D!F15315
RCEP D	2025	2025	0	D!G15315
RCEP D	2026	2026	0	D!H15315
RCEP D	2027	2027	0	D!I15315
RCEP E	2022	2022	0	E!D15319
RCEP E	2023	2023	0	E!E15319
RCEP E	2024	2024	0	E!F15319
RCEP E	2025	2025	0	E!G15319
RCEP E	2026	2026	0	E!H15319
RCEP E	2027	2027	0	E!I15319
RCEP F	2022	2022	0	F!D15316
RCEP F	2023	2023	0	F!E15316
RCEP F	2024	2024	0	F!F15316
RCEP F	2025	2025	0	F!G15316
RCEP F	2026	2026	0	F!H15316
RCEP F	2027	2027	0	F!I15316
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14284
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14284
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14284
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14284

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8540.40 có 2 dòng thuế; dòng 8540.40.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8540.40.10 Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, loại màu, của loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 85.25	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8540.40.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8540.40.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15963), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.